

Số: 119/QĐ-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ vốn chi tiết cho các hạng mục đầu tư thuộc
Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững kế hoạch năm 2020**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số: 2427/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2020 và các Quyết định: số 1639/QĐ-UBND ngày 27/08/2012, số 1633/QĐ-UBND ngày 24/08/2012, số 1635/QĐ-UBND ngày 24/08/2012, số 1645/QĐ-UBND ngày 28/08/2012, số 1702/QĐ-UBND ngày 06/09/2012, số 1647/QĐ-UBND ngày 28/08/2012, số 1632/QĐ-UBND ngày 24/08/2012 và số 1634/QĐ-UBND ngày 24/08/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 của các Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ chi tiết vốn Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững kế hoạch 2020 đã giao cho dự án Phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng và sản xuất;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ vốn chi tiết cho các hạng mục đầu tư thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững kế hoạch năm 2020 cho các Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020, với tổng số tiền là 22.500 triệu đồng (Hai mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ vốn được phân bổ, Trưởng các Ban quản lý dự án nêu tại

Điều 1 có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư đảm bảo hiệu quả, tuân thủ đúng quy định và thanh quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở; Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 tỉnh Ninh Thuận, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Trưởng các Ban quản lý dự án nêu tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: KHĐT, TC;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu VT, KH.

GIÁM ĐỐC



Đặng Kim Cương

lll.
vlt

lll.
vlt

lll.
vlt

lll.
vlt

lll.
vlt



Biểu: TỔNG HỢP PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2020 THEO HẠNG MỤC, CHỦ ĐẦU TƯ
(Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững)
(Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-SNNPTNT ngày 06/4/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đvt: triệu đồng

Stt	Chủ đầu tư	Tổng nhu cầu vốn	Phân theo hạng mục đầu tư								
			Trồng rừng và chăm sóc năm 1	Chăm sóc rừng trồng năm 2	Chăm sóc rừng trồng năm 3	Chăm sóc rừng trồng năm 4	Hỗ trợ trồng cây phân tán	Nâng cấp, nuôi dưỡng rừng trồng	Xây dựng cơ sở hạ tầng	Bảo tồn động vật hoang dã	Thanh toán hạng mục chăm sóc rừng trồng
	Tổng	22.500,00	10.908,00	908,77	1.217,45	395,20	2.402,57	1.220,00	3.926,28	450,00	1.071,73
1	BQLDA BV&PTR RPHĐN hồ Sông Sắt	2.613,53	1.728,00	167,97	50,16		167,40		500,00		
2	BQLDA BV&PTR RPHĐN hồ Sông Trâu	2.975,84	1.728,00	328,28	145,56		324,00		450,00		
3	BQLDA BV&PTR RPHĐN hồ Tân Giang	2.593,61	2.160,00		45,05	24,06	364,50				
4	BQLDA BV&PTR RPHVB Thuận Nam	5.017,39	648,00		704,08	183,58	540,00	920,00	500,00	450,00	1.071,73
5	BQLDA BV&PTR RPH Krông Pha	1.188,00	1.080,00				108,00				
6	BQLDA BV&PTR Vườn quốc gia Phước Bình	1.048,40	756,00	164,55	77,81	23,04	27,00				
7	BQLDA BV&PTR Vườn quốc gia Núi Chúa	2.435,44	648,00	80,00	99,43	124,68	357,05		1.126,28		
8	BQLDA BV&PTR Công ty TNHH MTV LN Tân Tiến	1.655,17	1.080,00		81,97		43,20		450,00		
9	BQLDA BV&PTR Công ty TNHH MTV LN Ninh Sơn	2.972,62	1.080,00	167,97	13,39	39,84	471,42	300,00	900,00		



Biện pháp TỔNG HỢP HẠNG MỤC, NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2020

(Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững)

Quyết định số 119/QĐ-SNNPTNT ngày 06/4/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Stt	Đơn vị	Đvt	Khối lượng	Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng			22.500,00	
1	Trồng rừng và chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng			13.429,42	
1.1	Trồng rừng và chăm sóc năm 1	ha	505,00	10.100,00	
1.2	Chăm sóc rừng trồng năm 2	ha	109,40	841,38	
1.3	Chăm sóc rừng trồng năm 3	ha	287,62	1.182,29	
1.4	Chăm sóc rừng trồng năm 4	ha	154,51	382,82	
1.5	Phí quản lý			922,93	
2	Hỗ trợ trồng cây phân tán	ng.cây	561,80	2.402,57	
2.1	Hỗ trợ trồng cây phân tán		561,80	2.224,60	
2.2	Phí quản lý		-	177,97	
3	Nâng cấp, nuôi dưỡng rừng trồng	ha	61,00	1.220,00	
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng			3.926,28	
4.1	Sửa chữa trạm BVR	trạm	6	2.800,00	
4.2	Đường lâm nghiệp	km	3,63	1.126,28	
5	Bảo tồn động vật hoang dã	PA	1	450,00	
6	Thanh toán hạng mục chăm sóc rừng trồng	ha	128,82	1.071,73	

HL
HL
HL
HL
HL
HL



PHÂN BỐ CHI TIẾT HẠNG MỤC, NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2020
(Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững)

Đơn vị: BQLDA BV&PTR - Vườn quốc gia Phước Bình

Quyết định số 119/QĐ-SNNPTNT ngày 06/4/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Stt	Hạng mục đầu tư	Đvt	Khối lượng	Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng			1.048,40	
1	Trồng rừng và chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng			1.021,40	
1.1	Trồng rừng và chăm sóc năm 1	ha	35,00	700,00	
1.2	Chăm sóc rừng trồng năm 2	ha	20,00	152,36	
1.3	Chăm sóc rừng trồng năm 3	ha	30,00	72,04	
1.4	Chăm sóc rừng trồng năm 4	ha	11,40	21,34	
1.5	Phí quản lý			75,66	
2	Hỗ trợ trồng cây phân tán	ng.cây	5,00	27,00	
2.1	Hỗ trợ trồng cây phân tán	ng.cây	5,00	25,00	
2.2	Phí quản lý			2,00	
3	Nâng cấp, nuôi dưỡng rừng trồng	ha			
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng				

